

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 12 năm 2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận

2. Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1979; Địa chỉ: K2b/4 đường Bàu Trảng 7, tổ 3 phường T, quận T, thành phố Đ (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Thái Văn H**, sinh năm 1978; Địa chỉ: K2b/4 đường Bàu Trảng 7, tổ 3 phường T, quận T, thành phố Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 01.7.2020, đơn trình bày bổ sung ngày 07. 7. 2020 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và ông Thái Văn H kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam ngày 03/9/2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ K2b/4 đường Bàu Trảng 7, tổ 3 phường Thanh Khê Tây, quận

Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình trạng bạo lực gia đình thường xuyên xảy ra, cụ thể là chồng tôi thường đánh đập tôi. Chúng tôi đã tự ly thân nhau, nhưng chồng tôi vẫn còn đánh đập tôi. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Thái Văn H.

- *Về con chung*: Tôi và ông H có 02 con chung là Thái Quốc H, sinh ngày 14/7/2005 và Thái Bảo Ngọc A, sinh ngày 15/10/2011. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, tôi yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 01 con chung là Thái Bảo Ngọc A mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn.

- *Về nợ chung*: Không có.

* Ông Thái Văn H không có văn bản phản hồi, không tham gia các buổi hòa giải và không có mặt tại phiên tòa, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Tại biên bản xác minh ngày 30/10/2020 ở địa phương nơi cư trú thể hiện: Trong thời gian sống chung với nhau tại địa phương, giữa bà L và ông H có xảy ra mâu thuẫn do hai người không hợp nhau về tính cách, thường xuyên cãi vã, xô xát nhau, ông H có hành vi bạo lực gia đình. Hiện nay ông H và bà L đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng bà L, ông H đã kéo dài nhiều năm nay tại địa phương. Khi sống chung với ông H, bà L bị áp lực về tinh thần nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ông H và bà L có 02 con chung, hiện nay bà L đang nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con, ông H thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc con chung.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực

hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thái Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà L được ly hôn với ông H. Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là Thái Quốc H, sinh ngày 14/7/2005 và Thái Bảo Ngọc A, sinh ngày 15/10/2011. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà L nuôi cả 02 con, buộc ông Thái Văn H phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà L. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thái Văn H có địa chỉ cư trú tại: K2b/4 đường Bàu Trảng 7, tổ 3 phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng bị đơn là ông Thái Văn H vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, không có mặt tại phiên tòa. Do vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Thái Văn H đăng ký kết hôn vào năm 2003, tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Thái Văn H, lý do là vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, thường xuyên xảy ra bạo lực gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu của bà L thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Nhưng trên thực tế thì vợ chồng bà L, ông H đã tự sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú thì mâu thuẫn vợ chồng như bà L trình bày là có thật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thực hiện được do vắng

mặt ông H. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H là thỏa đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L khai có 02 con chung là Thái Quốc H, sinh ngày 14/7/2005 và Thái Bảo Ngọc A, sinh ngày 15/10/2011. Ly hôn, bà L có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 01 con chung là Thái Bảo Ngọc A mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo cuộc sống cũng như tương lai của con và điều kiện thực tế của mỗi bên. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà L là người đang chăm sóc chu đáo cho các con. Còn ông H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì. Hai cháu Thái Quốc H và Thái Bảo Ngọc A đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L về nuôi con và cấp dưỡng như đã nêu trên cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp quy định tại các Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung bà L xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Thái Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 56; 81;82;83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Thái Văn H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Thái Văn H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con là Thái Quốc H, sinh ngày 14/7/2005 và Thái Bảo Ngọc A, sinh ngày

15/10/2011. Ông Thái Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 con chung là Thái Bảo Ngọc A, sinh ngày 15/10/2011 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Ngọc Anh đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: - Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp tại biên lai thu số 0002154 ngày 13.7.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ án phí;

- Ông Thái Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

* Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND xã Bình Trung, H.Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân nhân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

